

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/06/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTC1+RP1+BK8	7:25	9+5+7	0+0+0		6+5+6	0+0+0	
2		RC3+P2+BK6	7:25	8+11+3	0+0+0		5+13+4	0+0+0	chuyen 1 p2- bk6
3		BK5+RP2+RC6	7:25	7+15+0	0+0+0		4+15+3	0+0+0	
4		TTC1+P6+P2	9:25	4+0+16	0+0+0		0+3+19	0+0+0	
5		P1+CTK3-RP2	9:25	1+13+7	0+0+0		0+8+14	0+0+0	
6		P4+P10	9:25	6+14	0+0+0		4+14	0+0+0	
7		BK10+P2+BK8	11:25	7+11+0	0+0+0		1+17+4	0+0+0	chuyen 1 p2- BK8
8		RP2+RP3+CTC1	11:25	8+14+0	0+0+0		7+12+3	0+0+0	chuyen 1 rp2- rp3

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày Bk8-3 ng, CTC1-2 ng

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/06/2022	TO: CTC1 - RP1 - BK8	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: TTrung - ĐNam - PTUẤN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN TRỌNG MẠNH	CTC1	65	1	9	40	57	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TIẾN THỨC	CTC1	73	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ QUANG ANH HÙNG	CTC1	70	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
4	DENIS BOYKO	CTC1	66	1	2		110	KH-THAC	Russian
5	BUI SỸ TRUNG	CTC1	68	1	5		76	HALLI BUR	Vietnamese
6	LƯƠNG XUÂN THANH	CTC1	69	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI SỸ HIẾU	CTC1	72	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	AKOPOV D.	CTC1	67	1	3		81	KH-THAC	Russian
9	TÔ CÔNG TANH	CTC1	71	1	5		67	GETRACO	Vietnamese
10	TAO QUANG NGÂN	RP1				10	67	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG VĂN THUẬN	RP1	36	1	6		90	PSV	Vietnamese
12	VŨ XUÂN TIẾN	RP1	37	1	7		70	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN DUY QUYÊN	RP1	38	1	6		66	PSV	Vietnamese
14	NOVIKOV	BK8	37	1	2		100	D-HANH	Russian
15	NGUYỄN QUANG DIỄN	BK8					63	D-HANH	Vietnamese
16	TARGANOV	BK8					89	ANTOAN	Russian
17	TRẦN VĂN THUẬN	BK8	35	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN THANH SƠN	BK8	33-34	2	7		61	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI ĐẮC CÀNH	BK8	36	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

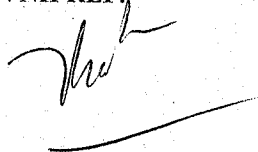
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTC1	9	9	45	674	40	6		
2	RP1	4	3	19	293	10	5		
3	BK8	6	5	19	453	0	6		
TOTAL		19	17	83	1.420	50	17		
WEIGHT KG				83	1.420	50			

GRAND TOAL: 1.553 KGS

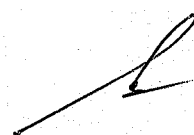
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/06/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: RC3 - P2 - BK6	CREW: VThắng - VLin - DTùng	ETA: 09:15
CAM-1			

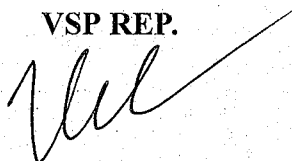
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU LE TRUNG	RC3	94	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM THE MANH	RC3	93	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN NHU Y	RC3	40	1	5	40	65	NHATHAU	Vietnamese
4	NGO KHANH NAM	RC3	90-92	3	12		84	KH-THAC	Vietnamese
5	DUONG MINH KHANH	RC3	88	1	5	30	65	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN HAI VIET	RC3	97	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM HONG DIEN	RC3	89	1	5		60	GETRACO	Vietnamese
8	NGUYEN XUAN THONG	RC3	95-96	2	18		60	PVGAS	Vietnamese
9	DAO QUOC UY	P2	75-77	3	18		65	YTE	Vietnamese
10	DUONG DUC HIEU	P2	73	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN SON TRUONG	P2					67	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM QUOC HIEN	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
13	DOAN NGUYEN BAO CHAU	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAC DUC HUY	P2	71	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	LE VAN DONG	P2	70	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
16	LUU VAN TU	P2	78	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	VU VAN HIEU	P2	74	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
18	VU VAN NAM	P2	72	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG MINH DUC	P2	69	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	LE NGOC AN	BK6	78	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
21	CHU QUYNH AN	BK6	76	1	9	40	102	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN PHE	BK6	77	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	8	11	62	567	70	5		CHUYEN 01 PAX TU P2 SANG BK6
2	P2	11	10	56	747	0	13		
3	BK6	3	3	19	247	40	4		
TOTAL		22	24	137	1.561	110	22		
WEIGHT KG				137	1.561	110			

GRAND TOAL: 1.808 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/06/2022	TO: BK5 - RP2 - RC6	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: TUYỀN - XTường -	ETA: 09:20
VANG-1		MQUÂN	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH VĂN HAI	BK5	79	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG ĐINH QUÊ	BK5	72	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC HOÀN	BK5	75	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HỮU HẠ	BK5	77	1	8		57	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ HỮU TƯỜNG	BK5	78	1	5	15	57	CODIEN	Vietnamese
6	TÔ TIẾN HUNG	BK5	73-74	2	14		80	CODIEN	Vietnamese
7	PHẠM VĂN HUÂN	BK5	76	1	6		70	PSV	Vietnamese
8	KHALIMOV A.	RP2	39	1	12		90	KH-THAC	RUS
9	NGUYỄN HUNG CUÔNG	RP2	45	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐINH XUÂN GIANG	RP2	49	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN BÌNH LONG	RP2	41	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM XUÂN KHOA	RP2	52	1	17	100	65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN LIÊM	RP2	51	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN BA DUY	RP2	47	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG VĂN LINH	RP2	42-43	2	14		60	YTE	Vietnamese
16	LƯU VĂN ĐIỀN	RP2	44	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐỖ ĐỨC CUÔNG	RP2	46	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT NHƯÔNG	RP2	53	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN TÂN TÀI	RP2					70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN DUY HUNG	RP2	48	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN HAI	RP2	50	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ LAM	RP2	40	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

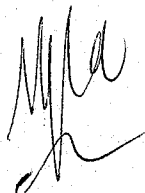
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	7	8	45	464	15	4		
2	RP2	15	15	95	1.065	100	15		
3	RC6	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	23	140	1.529	115	22		
WEIGHT KG				140	1.529	115			

GRAND TOAL: 1.784 KGS

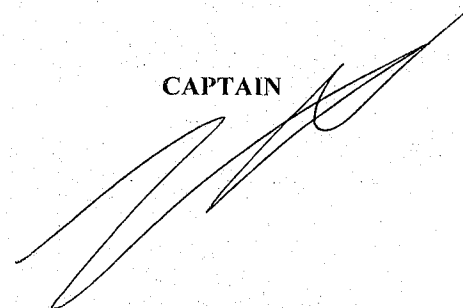
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/06/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	TO: TTC1 - P6 - P2	CREW: TTrung - ĐNam - PTUÂN	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NINH QUOC HOI	TTC1	69	1	18	40	84	KH-THAC	Vietnamese
2	THIEU VAN LONG	P6	71	1	9	30	70	XAYLAP	Vietnamese
3	TRAN NAM ĐAI	P6	50,60	2	12		61	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN VAN TIEN	P6	58-59	2	11		65	XAYLAP	Vietnamese
5	VÔ QUỐC THANH	P6	56-57	2	15		72	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN PHU HUU	P2	89	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN DINH NAM	P2	90	1	9		67	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN HIEU	P2	88	1	12		84	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI THO DUNG	P2	91	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM NGUYEN HOANG PHUC	P2	87	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TIEN HUNG	P2	85	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN PHONG	P2	92	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM VAN QUYEN	P2	83	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
14	TANG MANH HA	P2	93	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
15	K LING	P2	79	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
16	LE NGOC HAI	P2	81	1	10		92	KH-THAC	Vietnamese
17	VU NGOC DUNG	P2	82	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN NGOC DU	P2	84	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
19	LE DINH HUÂN	P2	80	1	4		50	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN HUU KHANH	P2	86	1	9		77	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	1	1	18	84	40	0		
2	P6	4	7	47	268	30	0		
3	P2	15	15	104	1.067	0	22		
TOTAL		20	23	169	1.419	70	22		
WEIGHT KG				169	1.419	70			

GRAND TOAL: 1.658 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/06/2022	TO: P1 - CTK3 - RP2	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: VThắng - VLinH - DTùng	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN KỲ TUẤN	P1	05	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
2	VU XUAN QUY	P1	99	1	5		100	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM TU ANH	P1	01	1	10	15	63	CODIEN	Vietnamese
4	ĐINH MẠI THIÊN	P1	98	1	5	35	65	CODIEN	Vietnamese
5	CAO XUAN DUNG	P1	97	1	5	60	68	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN THANH	P1	03	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
7	BUI ĐỨC HOÀNG	P1	08	1	5		65	T-TIN	Vietnamese
8	TRẦN XUAN HOANG	P1	06-07	2	15		65	T-TIN	Vietnamese
9	PHẠM THANH NHA	P1	500	1	5		80	PSV	Vietnamese
10	BUI VĂN QUÂN	P1	96	1	5		65	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN TUẤN HAI	P1	02	1	4		70	PSV	Vietnamese
12	VUÔNG DUC TRONG	P1	89-90	2	18		70	CODIEN	Vietnamese
13	PHAM DUC BINH	CTK3	07	1	15		78	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN ĐAN	CTK3	40-42	3	10	25	75	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM BA HOANG	RP2	66	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	65	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	LUÔNG NGỌC THANH	RP2	64	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
18	VÔ HOÀNG CẨM	RP2	62	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẠU HUY HOÀNG	RP2	60-61	2	12		66	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN HỒNG QUANG	RP2	63	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
21	VU HUU QUAN	RP2	59	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	12	14	94	856	110	6		
2	CTK3	2	4	25	153	25	1		
3	RP2	7	8	46	483	0	14		
TOTAL		21	26	165	1.492	135	21		
WEIGHT KG				165	1.492	135			

GRAND TOAL: 1.792 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/06/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	TO: P4 - P10	CREW: TUYỀN - XTrưởng - MQUÂN	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG TRỌNG ĐẠT	P4	88-89	2	8	20	66	LTECH	Vietnamese
2	LÊ CHI QUY	P4	86-87	2	9		91	LTECH	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN NGHI	P4	97	1	3		75	PSV	Vietnamese
4	TRẦN THANH LIÊM	P4	98	1	3		65	PSV	Vietnamese
5	BUI VĂN MƯỜI	P4	99	1	4		52	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	P4	400	1	3		60	PSV	Vietnamese
7	ĐỖ VĂN HOÀNG	P10	22	1	3		60	XAYLAP	Vietnamese
8	VÕ NGUYỄN MINH PHƯỚC	P10				22	69	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM VĂN CÔNG	P10	17	1	11		72	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ ĐÌNH HIẾU	P10	04	1	11		68	XAYLAP	Vietnamese
11	BUI VĂN TUYỀN	P10	01-02	2	15		56	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN VĂN TRÁ	P10	15-16	2	10		79	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC MINH	P10	05	1	9		82	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN BA ĐÔNG	P10	07-08	2	8		59	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN ĐÀU	P10	03	1	14		65	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN KHÁC THIỆP	P10	09-10	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
17	VŨ XUÂN HỒI	P10	06	1	15		68	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐẠO TRUNG KIẾN	P10				20	74	XAYLAP	Vietnamese
19	VŨ ĐỨC HÙNG	P10				19	76	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN VĂN TRƯỜNG	P10	18-19	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	6	8	30	409	20	4		
2	P10	14	16	126	963	61	14		
TOTAL		20	24	156	1.372	81	18		
WEIGHT KG				156	1.372	81			

GRAND TOAL: 1.609 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/06/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:50
FLIGHT: 7	TO: BK10 - P2 - BK8	CREW: QViệt - Mạnh - Toàn	ETA: 13:30
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN CHU	BK10	93-94	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN MINH TUÂN	BK10	97	1	10		67	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN VĂN TOÀN	BK10	89-90	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
4	NGÔ VĂN QUAN	BK10	91-92	2	16	60	54	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC DANH	BK10	95-96	2	18		63	XAYLAP	Vietnamese
6	HOANG VĂN NGỌC	BK10	98	1	15	14	60	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐOÀN VĂN GIÁP	BK10	62	1	5	17	77	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN QUYÊN	P2	08-09	2	15		67	XAYLAP	Vietnamese
9	BUI VĂN THIẾT	P2	13	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐOÀN XUÂN DUONG	P2	15	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT DŨNG	P2	14	1	11		65	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ XUÂN VIỆT	P2	16	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN VĂN MINH	P2	17	1	10	15	60	XAYLAP	Vietnamese
14	HOANG VĂN HỒNG	P2	01-02	2	15		95	XAYLAP	Vietnamese
15	PHẠM TIẾN ĐẠT	P2	11	1	8	14	60	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC KHANH	P2	07	1	6		63	PSV	Vietnamese
17	BUI LONG HUNG	P2	06	1	10		70	PSV	Vietnamese
18	TRƯỜNG TRỌNG HÂN	P2	05	1	4		55	PSV	Vietnamese
19	PHẠM XUÂN MẠNH	P2	10	1	5		66	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN CÔNG THANH	P2	03-04	2	8		78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	7	11	99	451	91	1		CHUYỂN 1 PAX TỪ P2-BK8
2	P2	13	16	127	874	29	16	1	
3	BK8	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		20	27	226	1.325	120	21		
WEIGHT KG				226	1.325	120			

GRAND TOAL: 1.671 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/06/2022	TO: RP2 - RP3 - CTC1	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:55
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Dương - Linh - Huy	ETA: 13:35
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VIỆT TRƯỜNG	RP2	72	1	7	37	63	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG NGOC LAN	RP2	71	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM TRUNG KIEN	RP2					68	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM ANH TU	RP2	68	1	5		80	GETRACO	Vietnamese
5	NGUYEN VAN TRUNG	RP2	70	1	6		73	GETRACO	Vietnamese
6	TRAN QUANG NHAN	RP2	69	1	6		60	GETRACO	Vietnamese
7	NGUYEN QUOC ANH	RP2	67	1	10		75	DK9	Vietnamese
8	TRAN ĐỨC THUẬN	RP3	32	1	3	10	83	KH-THAC	Vietnamese
9	TRINH VAN TIEN	RP3	44	1	5		86	ANTOAN	Vietnamese
10	KHUONG THANH DUONG	RP3	40-41	2	15		66	ANTOAN	Vietnamese
11	NGUYEN HUY HOANG	RP3	42-43	2	10		73	ANTOAN	Vietnamese
12	VU BAO THANH	RP3	38	1	5	60	81	NIPI	Vietnamese
13	LUONG MINH KHUE	RP3	35-36	2	15		58	NIPI	Vietnamese
14	NGUYEN THANH HA	RP3	31	1	4		62	PSV	Vietnamese
15	TRAN THANH HAI	RP3	33	1	3		62	PSV	Vietnamese
16	LÊ THANH HAI	RP3	37	1	5		61	PSV	Vietnamese
17	DOAN VAN DU	RP3	39	1	8		67	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN DUY CHINH	RP3	34	1	3		57	PSV	Vietnamese
19	DANG THE HUAN CHUONG	RP3	30	1	10		101	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	7	6	39	501	37	7	11	CHUYEN 1 PAX RP2-RP3
2	RP3	12	15	86	857	60	12		
3	CTC1	0	0	0	0	5	3		
TOTAL		19	21	125	1.358	102	22		
WEIGHT KG				125	1.358	102			

GRAND TOAL: 1.585 KGS + 101g.

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN